

THỰC TRẠNG SỰ LỰA CHỌN CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM HIỆN NAY

VŨ THỊ NGỌC TÚ*

Ngày nhận bài: 11/11/2016; ngày sửa chữa: 22/11/2016; ngày duyệt đăng: 23/11/2016.

Abstract: The article presents the results of a study on choice of moral values of pedagogical students in current period. Results of the survey on 750 first-year and forth-year students in 9 faculties in Hanoi National University of Education and Hanoi Capital University show that most pedagogical students aware importance of moral values and they enable to apply these values to the real life. However, ethics values choice shown in attitude and behaviours is not clear even many students still remain adverse attitude.

Keywords: Moral value, pedagogical students.

1. Đặt vấn đề

Phát triển toàn diện con người không thể tách rời hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Mỗi thời kì phát triển của xã hội có những yêu cầu và nội dung cụ thể đối với việc phát triển toàn diện con người. Giáo dục hướng tới và góp phần vào sự phát triển của mỗi học sinh nhằm phát huy hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em là quan niệm giáo dục toàn diện mới và đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện đại [1]. Theo quan điểm của UNESCO, phát triển người là sự gia tăng giá trị cho con người: giá trị tinh thần, giá trị đạo đức (GTĐĐ), giá trị thể chất, giá trị vật chất. Giáo dục vì sự phát triển của mỗi người học là giáo dục hướng đến từng cá nhân, thừa nhận sự tồn tại của mỗi cá nhân [2].

Quá trình hội nhập hiện nay đã và đang có nhiều yếu tố tác động mạnh mẽ và dẫn đến những biến đổi của từng cá nhân, từng cộng đồng. Những biến đổi xã hội này dẫn đến những thay đổi về sự nhận thức, quan niệm về các giá trị (giá trị sống) nói chung, GTĐĐ nói riêng ở thế hệ trẻ, trong đó có thế hệ sinh viên (SV). Một trong các biện pháp để thực hiện mục tiêu trên là phải xây dựng được nhận thức tốt ở SV những GTĐĐ cơ bản, từ đó các em có thái độ, hành vi tích cực đối với bản thân và đối với những người xung quanh.

Trong nghiên cứu này chúng tôi tìm hiểu thực trạng về sự lựa chọn các GTĐĐ của sinh viên sư phạm (SVSP), trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp tâm lý nhằm khơi gợi và định hướng về sự lựa chọn các GTĐĐ cho SV trong giai đoạn hiện nay.

Trong nghiên cứu này, khái niệm sử dụng về sự lựa chọn các GTĐĐ của SVSP được hiểu là *quá trình con người xem xét, đối chiếu, so sánh cũng như nắm*

lấy những GTĐĐ, đó là những giá trị chuẩn mực phản ánh mối quan hệ giữa con người với nhau, giữa con người với tự nhiên và xã hội trong quá trình hoạt động, dựa trên mục đích của chủ thể nhằm tìm ra giá trị phù hợp nhất với hoàn cảnh, đáp ứng với mục đích con người và hướng đến hệ GTĐĐ của nhân loại.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên SV của hai trường đại học vào năm 2015, cụ thể: SV năm thứ 1 và 4 của 9 khoa thuộc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non. - Phân bố mẫu SV khảo sát: 350 SV năm thứ 1 (sinh viên khóa 65), 400 SV năm thứ 4 (sinh viên khóa 62).

Công cụ nghiên cứu: Để tìm hiểu nhận thức của SVSP về các giá trị sống, nghiên cứu đã sử dụng bảng hỏi kết hợp với phỏng vấn sâu. Bảng hỏi là công cụ chính, mỗi câu hỏi trong bảng hỏi có 4 phương án trả lời với thang điểm từ 1 đến 4.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Về một số GTĐĐ mà SVSP lựa chọn

Kết quả khảo sát thu được như trình bày ở *bảng 1* (trang bên).

Từ bảng số liệu tổng hợp được về các GTĐĐ của SVSP hiện nay, các nhà giáo dục cần giúp SV có một "tầm nhìn" xa hơn, bao quát hơn về các GTĐĐ, giúp SV đánh giá và lựa chọn không chỉ dựa trên những "kết quả trước mắt" của giá trị mà còn phải dựa trên mục đích lâu dài của các giá trị đó trong quá trình định hướng đạo đức của mình. Đây chính là nhiệm vụ thực sự của việc giáo dục

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Bảng 1. Sự lựa chọn các GTĐĐ cụ thể của SVSP

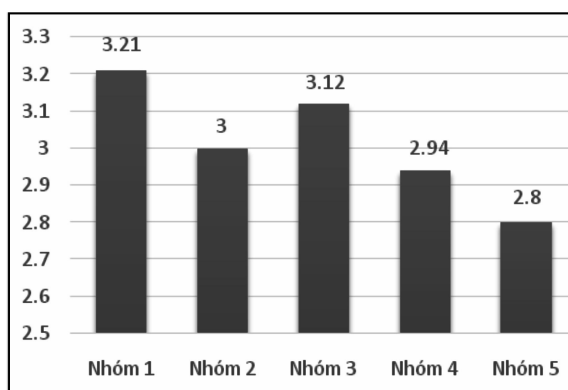
STT	Giá trị	Quan trọng (%)	Bình thường (%)	Không quan trọng (%)	Hoàn toàn không quan trọng (%)
1	Hiếu thảo	60	20	15	5
2	Tự tin	60	35	5	0
3	Trung thực	70	25	5	0
4	Tự trọng	85	15	0	0
5	Chân thành	67	23	8	2
6	Sáng tạo	43	45	11	1
7	Tôn trọng người khác	45	45	0	0
8	Hết lòng vì công việc	64	30	6	0
9	Lạc quan	45	40	15	0
10	Bảo vệ môi trường	80	20	0	0
11	Không tàn phá thiên nhiên	85	15	0	0
12	Thích ứng	75	25	0	0
13	Cần cù, tận tụy trong công việc	70	25	5	0
14	Đoàn kết	35	45	15	5
15	Biết ơn	50	50	0	0
16	Tin cậy nhau	50	50	0	0
17	Hợp tác tích cực trong công việc	45	45	0	0
18	Truyền thống dân tộc	38	42	18	2
19	Can đảm	60	40	0	0
20	Đồng cảm	45	55	0	0
21	Khoan dung	40	60	0	0
22	Khiêm tốn	50	40	10	0
23	Vì lợi ích cộng đồng	30	40	25	5
24	Giản dị	60	35	5	0
25	Biết chấp nhận người khác	75	25	0	0
26	Không thành kiến với người khác	68	32	0	0

giá trị hay giáo dục đạo đức của con người nói chung và SVSP nói riêng.

Trên cơ sở những GTĐĐ mà SV đã lựa chọn, chúng tôi đã nhóm các giá trị trên thành 5 nhóm giá trị cơ bản như sau:

Bảng 2. Sự lựa chọn các GTĐĐ xét theo từng nhóm giá trị

TT	Nhóm	Giá trị	TB
1	Giá trị trong mối quan hệ với công việc	Sáng tạo; hết lòng vì công việc; thích ứng; cần cù; tận tụy trong công việc	3,21
2	Giá trị trong mối quan hệ với môi trường	Bảo vệ môi trường; không tàn phá thiên nhiên	3,20
3	Giá trị trong mối quan hệ với bản thân	Tự tin; tự trọng; lạc quan; can đảm; giản dị	3,12
4	Giá trị trong mối quan hệ với người khác	Hiếu thảo; trung thực; chân thành; tôn trọng người khác; biết ơn; tin cậy nhau; hợp tác tích cực; đồng cảm; khoan dung; biết chấp nhận người khác; không thành kiến	2,94
5	Giá trị trong mối quan hệ với cộng đồng	Đoàn kết; truyền thống dân tộc; vì lợi ích cộng đồng	2,91



Biểu đồ 1. Sự lựa chọn các GTĐĐ xét theo từng nhóm giá trị

Như vậy, nhóm giá trị ít được SV chú ý nhất lại là nhóm giá trị thể hiện trong mối quan hệ với cộng đồng. Xuyên suốt trong các nghiên cứu đã nêu, đây là nhóm giá trị mà SV ít coi trọng. Đó là thực trạng đáng lo lắng mà các nhà giáo dục cần quan tâm trong việc giáo dục cho thế hệ tương lai.

3.2. Về nhận thức, thái độ và xu hướng hành vi của SVSP khi lựa chọn các GTĐĐ

Sự lựa chọn các GTĐĐ không chỉ dừng lại ở chỗ SV quan tâm đến những giá trị nào, đánh giá những giá trị ấy ra sao, mà chúng tôi còn nghiên cứu sự lựa chọn các GTĐĐ thông qua biểu hiện của các giá trị ấy trong ba mặt cơ bản của con người. Đó chính là biểu hiện trong nhận thức, thái độ và hành vi.

- *Nhận thức đối với GTĐĐ*: Để tìm hiểu nhận thức của SV đối với ý nghĩa của GTĐĐ với xã hội hiện nay, chúng tôi đưa ra một số nhận định cả tích cực và tiêu cực. Kết quả thu được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Nhận thức của SV đối với các GTĐĐ thông qua những đánh giá

STT	Đánh giá	Tỉ lệ %	Độ lệch chuẩn
Tích cực			
1	GTĐĐ, lối sống sẽ làm cho từng cá nhân sống tốt hơn và xã hội cũng tốt hơn	95	0,22
2	GTĐĐ, lối sống luôn là phương châm cho mỗi người hoàn thiện chính mình trong cuộc sống	88	0,32
3	GTĐĐ, lối sống là gốc cho những quyết định hợp tình, hợp lý của con người	87	0,34
4	GTĐĐ, lối sống luôn là chuẩn mực mà SV phải chú ý để hoàn thiện chính mình	80	0,40
Tiêu cực			
5	Nếu cứ tuân thủ một cách nghiêm khắc các GTĐĐ, lối sống thì SV khó có cơ hội phát triển	49	0,50
6	Việc ứng xử trong cuộc sống không cần thiết phải luôn tuân thủ GTĐĐ, lối sống	48	0,50
7	Các GTĐĐ, lối sống hiện nay quá xa với với thực tế	30	0,46
8	Tất cả các GTĐĐ, lối sống đã lỗi thời, lạc hậu trong cuộc sống hiện đại ngày nay	12	0,33

Qua số liệu của bảng thống kê chúng ta thấy, độ lệch chuẩn giữa các đánh giá có sự phân tán lớn trong các câu trả lời, rất có thể các SV có những câu trả lời hoàn toàn trái ngược nhau. Điều này cho thấy tính phức tạp và phân hóa trong nhận thức của SV về các GTĐĐ.

- Về thái độ đối với GTĐĐ cụ thể: Để tìm hiểu về thái độ của SV đối với những GTĐĐ, chúng tôi có đưa ra những đánh giá tích cực và tiêu cực. Kết quả được thể hiện ở bảng 4:

Nhìn chung, những thái độ tích cực thường được đa số SV lựa chọn. Những thái độ mang tính tiêu cực hoặc phiến diện đều được xếp vào nhóm ít được chấp nhận. So với kết quả biểu hiện của các GTĐĐ trong nhận thức, biểu hiện ở mặt thái độ là ít rõ ràng hơn và tồn tại nhiều thái độ tiêu cực ở một bộ phận không nhỏ SV dựa trên số liệu thống kê. Quan sát độ lệch tiêu chuẩn, tương tự như trong nhận thức, có thể nhận thấy câu trả lời của các SV được rải đều khắp hai cực trái ngược nhau: đồng ý và không đồng ý, tạo nên sự phân tán rất lớn trong kết quả khảo sát. Điều này cho thấy giữa các SV vẫn chưa thống nhất, có khoảng

Bảng 4. Thái độ của SV đối với những GTĐĐ

STT	Thái độ	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Tích cực			
1	Người không có trách nhiệm rất khó có thể thành công	0,94	0,24
2	Phá hoại thiên nhiên nghĩa là tàn sát chính mình và cộng đồng	0,92	0,27
3	Đối với tôi, lương tâm của mỗi người là căn cơ quan trọng của đạo đức	0,85	0,36
4	Không thể là người có đạo đức nếu chỉ tốt trên phương diện xã hội còn với gia đình là con số không	0,83	0,37
5	Cộng đồng và thế giới chỉ phát triển nếu tinh thần hữu nghị và hợp tác được tôn trọng	0,80	0,40
6	Bí quyết thành công hiện nay là phải biết hợp tác, chấp nhận nhau.	0,79	0,40
7	Khi quốc gia hòa bình, thế giới không chiến tranh là lúc con người cảm thấy hạnh phúc tuyệt vời	0,57	0,49
Tiêu cực			
8	Nhiều SV không hề quan tâm đến các bài hát ngợi ca quê hương, đất nước	0,75	0,51
9	Cuộc sống không nhất thiết phải cao thượng vì cao thượng đôi khi là mù quáng	0,49	0,50
10	Lúc nào cũng làm việc theo lương tâm sẽ bị thua thiệt	0,36	0,48
11	Tôi tự nhủ ai làm hại tôi, thì sẽ bị trừng phạt dù sớm hay muộn thôi	0,28	0,45
12	Cuộc sống thách thức đòi hỏi phải vì lợi ích cá nhân trước mắt lên trên hết	0,18	0,38
13	Những gì không phải của riêng mình, tôi không quan tâm	0,18	0,38

cách lớn và tạo nên sự phức tạp trong thái độ của SV đối với các GTĐĐ.

- Về xu hướng hành vi của SV ở sự lựa chọn các GTĐĐ: Mặc dù hành động của một cá nhân hướng đến mục đích tốt, nhưng cách thực hiện hành động đó không tốt thì cũng không được xã hội chấp nhận. Có thể nói, cách thực hiện hành động là biểu hiện bên ngoài của giá trị mà con người hướng đến trong hoạt động đó. Khi cho SV tự đánh giá mức độ biểu hiện của một số hành vi đạo đức tiêu biểu trong cuộc sống theo các mức trả lời từ 4 là rất thường xuyên, 3 là thường xuyên, 2 là đôi khi, 1 là ít khi đến 0 là hoàn toàn không. Kết quả thu được như sau (xem bảng 5 trang bên):

Bảng 5. Tự đánh giá về hành vi của SV trong sự lựa chọn GTĐĐ

TT	Hành vi	Trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Chịu trách nhiệm về những gì đã làm	3,34	0,733
2	Quan tâm, tôn trọng cảm xúc của người khác	3,11	0,857
3	Làm những điều cha mẹ vui lòng	2,99	0,972
4	Xếp hàng nghiêm túc nơi công cộng	2,99	0,847
5	Nhường chỗ trên xe buýt cho người già, trẻ em	2,94	0,954
6	Phản đối hành vi chống phá Tổ quốc, dân tộc	2,79	1,217
7	Tự nhận khuyết điểm, nói lời xin lỗi	2,79	0,830
8	Tha thứ, bỏ qua lỗi lầm của người khác	2,78	0,921
9	Thăm hỏi, biết ơn thầy cô giáo cũ	2,77	0,963
10	Kèm chế, tránh xúc phạm người khác	2,74	1,034
11	Giúp đỡ bạn bè trong học tập, sinh hoạt	2,50	0,946
12	Biết hợp tác với người khác vì lợi ích chung	2,41	1,028
13	Giúp người khác dù bị thiệt hại	2,28	1,071
14	Hy sinh lợi ích riêng vì lợi ích chung	2,22	0,869
15	Khuyên nhủ bạn bè có tính cách chưa tốt	2,20	1,081
16	Bảo vệ kẻ yếu đuối	2,03	1,020
17	Bảo vệ cây xanh, trồng cây	1,99	1,199
18	Tham gia phong trào SV tình nguyện	1,63	1,311
19	Tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS	1,31	1,211
20	Hiển máu nhân đạo	1,02	1,210

Qua kết quả trên có thể nhận định không có hành vi nào được xếp ở mức rất thường xuyên (> 3,5). Có 11 hành vi được thực hiện thường xuyên (> 2,5), bảy hành vi đôi khi được thực hiện (> 1,5), hai hành vi ít khi được thực hiện (> 0,5) và không có hành vi nào là hoàn toàn không xuất hiện. Như vậy, kết quả rơi vào khoảng giữa thường xuyên và đôi khi.

3.3. Về biểu hiện các GTĐĐ thông qua một số tình huống (TH) ứng xử

Kết quả khảo sát thu được trình bày ở bảng 6.

Khi đưa ra một số TH thực tế thường gặp của SV trong cuộc sống, kết quả lựa chọn về cách ứng xử hướng đến các GTĐĐ của SV cho thấy kết quả biểu hiện ở các mặt hành vi của SV có sự khác nhau. Các biểu hiện cụ thể được thể hiện như sau: - Ở TH 1 (thể hiện sự thông cảm, đặt mình vào vị trí người khác và thông cảm với nhiệm vụ của họ) có đến 86,40% SV

Bảng 6. Biểu hiện các GTĐĐ thông qua các TH ứng xử

TH ứng xử	Tỉ lệ %
1. Khi thấy nhân viên siêu thị yêu cầu bạn nên cho những đồ dùng vào một chiếc túi to a. Vui vẻ đồng ý và nói lời cảm ơn	86,4
2. Khi thấy một phụ nữ mang thai bước lên xe buýt đã hết chỗ a. Nhanh chóng nhường chỗ cho người phụ nữ ấy	79,6
3. Khi được giao một công việc với thời hạn khá gấp, bạn không hoàn thành đúng hạn a. Xin lỗi và nỗ lực hoàn thành càng sớm càng tốt	78,5
4. Khi thấy một SV đang phá hoại tài sản chung a. Tìm cách ngăn chặn, thuyết phục	56,3
5. Khi đồng bào bị thiệt hại do lũ lụt, tai nạn hay thiên tai khác a. Chủ động tham gia đóng góp theo sức mình và vận động mọi người cùng tham gia	45,1
6. Khi gặp một giám thị coi thi có vẻ dễ tính b. Vẫn cố gắng nghiêm túc thi cử	41,4
7. Giữa giảng đường nóng bức, thầy cô đổ mồ hôi nhễ nhại a. Trực tiếp đưa khăn cho thầy cô	31,4
8. Khi đi trễ một buổi học: a. Xin lỗi và kiên quyết khắc phục	17,6

có xu hướng hành vi tích cực. Một mặt, số liệu cho thấy SV bắt đầu có cung cách ứng xử hợp lý xét trên bình diện các giá trị sống, tuy nhiên vẫn còn một số SV ứng xử chưa tích cực. Tần suất này trong thực tế có thể nhiều hơn nữa, điều đó cho thấy rằng SV vẫn còn chưa chú ý đến những GTĐĐ như là kim chỉ nam cho việc ứng xử thường nhật nếu như không nói rằng cách ứng xử của một số SV thiếu tính văn hóa - cộng đồng. - Đối với TH 5, trong trường hợp mà hành vi được thể hiện ở trong thể chủ động (tự đến quyên góp ủng hộ đồng bào thiên tai - lũ lụt) chỉ là 45,1% cho thấy xu hướng hành vi của SV cũng chưa thật ổn định theo khuynh hướng tích cực. - Với TH 3, hầu hết SV đều có cách ứng xử tích cực, dù tính kiên quyết trong việc nhận trách nhiệm có chút khác nhau. Nhưng hầu như không SV nào bỏ mặc không quan tâm đến tiến độ công việc đã nhận dù rằng cách ứng xử có thể tích cực hoặc vụng về. - Trong khi đó, ở TH 6, có 41,4% SV không kiên quyết giữ trung thực trong thi cử và tùy vào tình hình để quyết định có gian lận hay không. Trong khi đó hơn 5% SV có lựa chọn cách ứng xử rất tiêu cực là sẵn sàng xem tài liệu nếu như giám thị dễ tính trong phòng thi. - Ở TH 7, có 31,4% SV chủ động trong việc thể hiện sự quan tâm đối với thầy cô, cho

thấy những giá trị sống vẫn chưa thực sự được SV quan tâm đủ và sâu sắc khi thực hiện những hành vi cụ thể trong lối sống của mình mà điều đó thể hiện rõ nhất trong hành vi ứng xử TH. - Trong TH 8 có kết quả được xếp cuối cùng với tỉ lệ là 17,6% SV có lựa chọn tích cực. Điều này cho thấy SV có phần chưa nghiêm khắc với chính mình cũng như chưa có những hành vi quyết đoán để hướng đến những giá trị sống chung mang tính chuẩn mực.

Như vậy, biểu hiện các GTĐĐ ở mặt xu hướng hành vi thông qua việc lựa chọn cách ứng xử trong các TH cụ thể của SV có hướng đến lối ứng xử tích cực. Tuy nhiên một điểm rất nổi bật trong hầu hết các TH là SV vẫn còn rất thụ động trong việc thực hiện các hành vi đó. Như vậy, tính tự giác của SV còn rất kém và ý chí đạo đức cũng chưa mạnh mẽ. Điều này cũng sẽ liên quan đến việc lựa chọn các GTĐĐ như là phương châm của hành động.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu thực trạng về sự lựa chọn các GTĐĐ của SVSP trong giai đoạn hiện nay có thể rút ra các kết luận: - Sự lựa chọn các GTĐĐ của SV ở mức độ cao, đa số SV của các khoa đều có khả năng vận dụng các GTĐĐ vào trong cuộc sống. Đối với các GTĐĐ cần thiết thì SV vẫn đề cao, nhưng vẫn còn một số GTĐĐ khác chưa được SV lựa chọn để định hướng cho lối sống cho mình. - Sự lựa chọn các GTĐĐ được biểu hiện ở mặt thái độ, hành vi còn ít rõ ràng, tồn tại nhiều thái độ tiêu cực ở một bộ phận không nhỏ SV. Về mặt hành vi, biểu hiện của sự lựa chọn các GTĐĐ không đồng đều. Biểu hiện về sự lựa chọn các GTĐĐ của SV còn phức tạp, chưa thống nhất giữa nhận thức, thái độ và hành vi. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Minh Hạc (2001). *Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] Phạm Minh Hạc (2010). *Giá trị học cơ sở lý luận góp phần đúc kết, xây dựng giá trị chung của người Việt Nam hiện nay*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Nguyễn Văn Bắc (2006). *Nhận thức của sinh viên sư phạm về các giá trị truyền thống trong học tập*. Tạp chí Tâm lý học, số 3, tr 43-51.
- [4] Don. E-hác (1987). *Giá trị cuộc sống - giá trị văn hóa*. NXB Giáo dục.
- [5] Lê Hương (2000). *Một số nét tâm lý đặc trưng của lứa tuổi thanh niên*. Tạp chí Tâm lý học, số 2, tr 10-20.
- [6] Huntington S. (2003). *Va chạm giữa các nền văn minh*. NXB Lao động.

Vấn đề tìm hiểu kiến thức...

(Tiếp theo trang 150)

trao đổi, thảo luận, trình bày ý kiến,... GV có thể khéo léo đưa ra những lập luận định hướng và chỉ đạo nếu thấy HS lúng túng.

Sau mỗi giờ học, GV thu lại tất cả PHT của HS để kiểm tra thái độ làm việc, kĩ năng làm việc của từng HS, nhóm HS, nhận xét, đánh giá và điều chỉnh hợp lí những hạn chế của HS.

Sử dụng PHT để tìm hiểu kiến thức và nhu cầu học tập tiếng Việt của HS được áp dụng trong các bài học có nội dung kiến thức hoàn toàn mới, HS chưa được nghiên cứu ở các lớp dưới.

Qua thực nghiệm, chúng tôi thấy rằng thời gian hạn chế và lớp HS quá đông là những nguyên nhân quan trọng đã ảnh hưởng tới việc GV quan tâm đến các ý kiến của HS cũng như nắm bắt được các kiến thức và nhu cầu học tập của HS đối với phân môn *Tiếng Việt* nói chung, phân *PCCN ngôn ngữ* mới riêng. Vì vậy, GV cần lựa chọn và phối hợp các biện pháp điều tra một cách thích hợp để có sự quan tâm một cách thích đáng đối với việc tiếp thu kiến thức mới của HS. Đồng thời, kết quả của công việc này sẽ giúp GV xây dựng hoặc lựa chọn được các tình huống học tập khác nhau sao cho phù hợp nhất với HS của mình.

Chúng tôi đã nghiên cứu về khả năng, quy trình dạy học PCCN tiếng Việt cho HS theo quan điểm LTKT; xem xét một số biện pháp cụ thể để tìm hiểu kiến thức vốn có và nhu cầu của HS trong quá trình vận dụng LTKT đó. Với những thao tác dạy học quen thuộc, chúng tôi vận dụng theo mục tiêu và cách thức riêng, phù hợp với quan điểm dạy học của LTKT, vừa đảm bảo phù hợp với định hướng dạy học tích hợp, tích cực, giao tiếp, vừa phát huy thế mạnh riêng trong từng khâu của quá trình dạy học PCCN cho HS trung học phổ thông theo quan điểm LTKT. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Hữu Châu (2005). *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*. NXB Giáo dục.
- [2] Trần Bá Hoàn (2005). *Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo viên*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Lê A - Bùi Minh Toán - Nguyễn Quang Ninh (2001). *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*. NXB Giáo dục.
- [4] Nguyễn Minh Thuyết (1998). *Về dạy Tiếng Việt ở phổ thông*. NXB Giáo dục.
- [5] Nguyễn Đức Tôn (2001). *Những vấn đề về dạy và học Tiếng Việt trong nhà trường*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.